

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI
THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI QUẢNG TRỊ**

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Hội đồng thành viên	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính tổng hợp	
• Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
• Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 25

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Quảng Trị (sau đây gọi tắt là “Công ty”) công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Quảng Trị là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200198514 ngày 20/09/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 03/04/2018.

Vốn điều lệ: **991.911.000.000 đồng.**

Vốn đầu tư chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2020: **1.562.621.798.924 đồng.**

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Khu phố 9, Phường Đông Lễ, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
- Điện thoại: +84 (233) 3580 269
- Fax: +84 (233) 3580 266
- Email: ctyktcttlqt@gmail.com

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tưới, tiêu nước phục vụ nông nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp này gồm có:

Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên

Ông Lê Văn Trường	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/03/2018
Ông Nguyễn Sinh Công	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/12/2015
Ông Hồ Trọng Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2019
Ông Ngô Công Xinh	Kiểm soát viên	Bổ nhiệm ngày 25/01/2017

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Sinh Công	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/04/2018
Ông Hồ Trọng Long	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/05/2019
Bà Hoàng Thị Lại	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 12/01/2017



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

- Ông Lê Văn Trường Chủ tịch Công ty Bồ nhiệm ngày 28/03/2018

SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo ý kiến của Hội đồng thành viên, Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Báo cáo tài chính tổng hợp này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam (Trụ sở chính: Tầng 19, Khu văn phòng Tòa nhà Indochina, Số 04 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; trụ sở tại Thành phố Đà Nẵng: số 270 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (+84) 236.3691789; Fax: (+84) 236.3691188; Website: avnaudit.vn).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG VIỆC LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Hội đồng thành viên phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Hội đồng thành viên



Lê Văn Trường

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Đông Hà, ngày 29 tháng 03 năm 2021



Trụ sở chính

Tầng 19, Khu văn phòng, Tòa nhà Indochina,
Số 04 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, TP HCM
ĐT: 0262 394 2345 | Fax: 0262 394 2345
Website: avnaudit.vn

Chi nhánh tại TP Đà Nẵng

Số 270 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Khuê
Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
ĐT: 0236 369 1789 | Fax: 0236 369 1188
Email: avn@avnaudit.vn

Số: 64/2021/BCKT-TC-AVN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc

Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Quảng Trị

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Quảng Trị, được lập ngày 29 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Quảng Trị tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Chúng tôi lưu ý với người đọc đến Thuyết minh số 4.1, Báo cáo tài chính tổng hợp này chưa bao gồm số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của 2 đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư và Xây dựng và Xí nghiệp Cấp nước Công nghiệp và Dịch vụ Tổng hợp.
2. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 ngày 03/04/2018, Công ty đăng ký vốn điều lệ là 991.911.000.000 đồng; tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2020, vốn thực góp tại Công ty là 1.562.621.798.924 đồng.

Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam



Nguyễn Thị Bình

Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3387-2020-231-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Hữu Huy

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 4917-2019-231-1

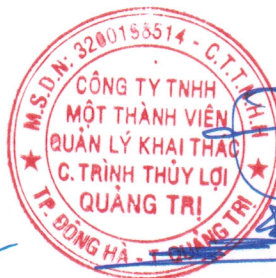
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		156.531.997.908	154.342.139.988
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.346.891.852	5.848.766.586
1. Tiền	111	5.1.a	4.346.891.852	1.836.484.249
2. Các khoản tương đương tiền	112	5.1.b	-	4.012.282.337
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		143.907.896.563	138.907.760.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	143.907.896.563	138.907.760.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.617.832.188	8.893.063.695
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.428.526.873	695.657.873
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	370.072.000	44.331.507
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5.5	1.000.000.000	1.050.000.000
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.6	3.000.000.000	3.000.000.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.7	1.819.233.315	4.103.074.315
IV. Hàng tồn kho	140		595.024.995	615.149.870
1. Hàng tồn kho	141	5.8	595.024.995	615.149.870
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		64.352.310	77.399.837
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.9	64.352.310	77.399.837
2. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.414.275.068.186	1.398.730.507.501
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.410.869.467.177	1.397.039.868.177
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	1.410.869.467.177	1.397.039.868.177
- Nguyên giá	222		1.612.898.852.907	1.599.312.946.932
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(202.029.385.730)	(202.273.078.755)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.912.064.000	93.371.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	1.912.064.000	93.371.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.493.537.009	1.597.268.324
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	1.493.537.009	1.597.268.324
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.570.807.066.094	1.553.072.647.489

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.212.085.330	4.407.343.231
I. Nợ ngắn hạn	310		7.189.335.330	4.384.593.231
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	4.227.744.904	1.589.015.730
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	58.831.024	19.115.960
3. Phải trả người lao động	314		214.200.000	191.200.000
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	316.590.844	238.842.983
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.371.968.558	2.346.418.558
II. Nợ dài hạn	330		22.750.000	22.750.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		22.750.000	22.750.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.563.594.980.764	1.548.665.304.258
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.562.821.794.242	1.547.928.300.242
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.15	1.562.621.798.924	1.547.659.199.924
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.15	199.995.318	269.100.318
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		773.186.522	737.004.016
1. Nguồn kinh phí	431	5.15	773.186.522	737.004.016
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.570.807.066.094	1.553.072.647.489



Nguyễn Thị Kim Huế
Người lập biểu

Hoàng Thị Lại
Kế toán trưởng

Lê Văn Trường

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Đông Hà, ngày 29 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT
- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	38.782.101.545	38.608.165.362
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		38.782.101.545	38.608.165.362
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	32.617.461.569	31.569.527.622
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		6.164.639.976	7.038.637.740
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	8.474.199.808	3.984.669.792
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	9.914.993.278	9.391.370.152
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.723.846.506	1.631.937.380
11. Thu nhập khác	31	6.5	-	5.454.546
12. Chi phí khác	32	6.6	4.723.846.506	1.637.391.926
13. Lợi nhuận khác	40		(4.723.846.506)	(1.631.937.380)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		-	-
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		-	-



Nguyễn Thị Kim Huế
Người lập biểu

Hoàng Thị Lài
Kế toán trưởng

Lê Văn Trường

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Đông Hà, ngày 29 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	-	-
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao Tài sản cố định và BĐSĐT	02	1.133.000.000	1.133.000.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.474.199.808)	(3.984.669.792)
3. Lợi nhuận từ HĐ KD trước thay đổi vốn lưu động	08	(7.341.199.808)	(2.851.669.792)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	417.737.066	5.701.614.008
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	20.124.875	(2.752.696)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.779.192.099	(2.878.209.241)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	103.731.315	141.399.497
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.529.790.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.372.494)	(2.008.837.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.027.786.947)	(368.665.224)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.818.693.000)	(452.144.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(360.638.896.563)	(160.505.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	355.638.760.000	23.961.600.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.344.741.776	1.557.412.129
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.525.912.213	(135.438.131.871)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	133.849.973.040
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	133.849.973.040
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.501.874.734)	(1.956.824.055)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.848.766.586	7.805.590.641
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.346.891.852	5.848.766.586



Hoàng Thị Lại
Người lập biểu

Hoàng Thị Lại
Kế toán trưởng

Lê Văn Trường
Chủ tịch Hội đồng thành viên
Đông Hà, ngày 29 tháng 03

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp này chưa bao gồm số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của 2 đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Tư vấn Đầu tư và Xây dựng và Xí nghiệp Cấp nước Công nghiệp và Dịch vụ Tổng hợp.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Số tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Cụ thể, khi có bằng chứng cho thấy có thể không thu hồi được khoản đầu tư này thì xử lý như sau:

- Nếu giá trị tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì phần chênh lệch giữa giá trị có thể thu hồi nhỏ hơn giá trị ghi sổ khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Nếu giá trị tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì thuyết minh rõ trên báo cáo tài chính về khả năng thu hồi và không ghi giảm khoản đầu tư.

4.4. Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu khác và phải thu nội bộ:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu nội bộ là các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính. Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo kế hoạch tài chính do Sở Tài chính tỉnh Quảng Trị phê duyệt.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo quy định tại Thông tư 73/2018/TT-BTC ngày 15/08/2018 hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước. Mức khấu hao Tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính 2020 được thực hiện theo quyết định số 3073/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị ngày 11/11/2019 về việc phê duyệt kế hoạch tài chính DNNN hoạt động công ích năm 2020 cho Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác công trình thủy lợi Quảng Trị.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính

4.10. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

4.12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- ✓ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- ✓ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- ✓ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp

Các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

4.15. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.16. Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ:
 - ✓ Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp không chịu thuế GTGT;
 - ✓ Các hoạt động khác: Áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp
 - ✓ Thu nhập từ dịch vụ tưới, tiêu nước là thu nhập được miễn thuế.
 - ✓ Thu nhập từ các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 20%
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Đơn vị: VND)

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

5.1.a. Tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	308.744.349	516.503.925
Tiền gửi ngân hàng	4.038.147.503	1.319.980.324
Cộng	4.346.891.852	1.836.484.249

5.1.b. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	-	4.012.282.337
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Quảng Trị	-	4.012.282.337
Cộng	-	4.012.282.337

5.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	143.907.896.563	143.907.896.563	138.907.760.000	138.907.760.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	127.044.219.332	127.044.219.332	128.660.000.000	128.660.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	12.105.214.221	12.105.214.221	5.227.760.000	5.227.760.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	3.098.479.452	3.098.479.452	-	-
- Ngân hàng NN & PT Nông thôn Việt Nam	1.530.246.600	1.530.246.600	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	129.736.958	129.736.958	20.000.000	20.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	143.907.896.563	143.907.896.563	138.907.760.000	138.907.760.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5.3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	-
Phải thu khách hàng là các đối tượng khác	1.428.526.873	695.657.873
Ngân sách tỉnh Quảng Trị	1.426.558.873	607.948.873
Các đối tượng khác	1.968.000	87.709.000
Cộng	1.428.526.873	695.657.873

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	370.072.000	44.331.507
Ban Quản lý Dự án đầu tư Xây dựng các CTNN và PTNT tỉnh Quảng Trị	337.856.000	-
Viện khoa học Thủy Lợi	20.000.000	20.000.000
Lê Văn Phúc	-	10.000.000
Các đối tượng khác	12.216.000	14.331.507
Cộng	370.072.000	44.331.507

5.5. Phải thu nội bộ ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Xí nghiệp Tư vấn và Đầu tư Xây dựng	1.000.000.000	1.050.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.050.000.000

5.6. Phải thu về cho vay

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000

Công ty cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS vay theo Hợp đồng số 3/14120/VPS-KH/HO/VPS-HT ngày 21/12/2020, kì hạn 21 ngày, lãi suất 4,35%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5.7. Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	194.881.489	-	56.690.121	-
Lãi dự thu	1.556.715.695	-	2.427.257.663	-
Phải thu khác	67.636.131	-	1.619.126.531	-
+ Ngân sách cấp Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	1.500.000.000	-
+ Các khoản phải thu khác	67.636.131	-	119.126.531	-
Cộng	1.819.233.315	-	4.103.074.315	-

5.8. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	585.625.695	-	603.194.570	-
Công cụ, dụng cụ	9.399.300	-	11.955.300	-
Cộng	595.024.995	-	615.149.870	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2020.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***5.9. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số dư đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số dư cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	13.047.527	-	103.599.455	60.293.564	-	30.258.364
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.352.310	-	-	-	64.352.310	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	9.788.900	14.143.500	9.788.900	-	14.143.500
Thuế tài nguyên	-	9.327.060	41.221.750	36.119.650	-	14.429.160
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	332.673	332.673	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Cộng	77.399.837	19.115.960	165.297.378	112.534.787	64.352.310	58.831.024

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5.10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiền vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Kết cấu hạ tầng từ vốn ngân sách	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	43.712.115.861	15.883.808.949	15.728.270.140	1.864.972.137	1.522.123.779.845	1.599.312.946.932
Được cấp trong năm (*)	-	-	-	-	14.962.599.000	14.962.599.000
T/lý, nhượng bán	868.744.025	66.708.000	217.516.000	223.725.000	-	1.376.693.025
Số cuối năm	42.843.371.836	15.817.100.949	15.510.754.140	1.641.247.137	1.537.086.378.845	1.612.898.852.907
Khấu hao						
Số đầu năm	8.864.597.869	1.165.387.041	4.031.779.016	772.288.696	187.439.026.133	202.273.078.755
Khấu hao trong năm	676.587.716	-	379.086.342	77.325.942	-	1.133.000.000
T/lý, nhượng bán	868.744.025	66.708.000	217.516.000	223.725.000	-	1.376.693.025
Số cuối năm	8.672.441.560	1.098.679.041	4.193.349.358	625.889.638	187.439.026.133	202.029.385.730

Giá trị còn lại

Số đầu năm	34.847.517.992	14.718.421.908	11.696.491.124	1.092.683.441	1.334.684.753.712	1.397.039.868.177
Số cuối năm	34.170.930.276	14.718.421.908	11.317.404.782	1.015.357.499	1.349.647.352.712	1.410.869.467.177

- (*) Công trình Sửa chữa khẩn cấp trần xã lữ Nam Thạch Hãn được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị cấp theo Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 26/05/2020.
- Kết cấu hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách là các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước (như hồ, đập, kênh, mương) và các vật kiến trúc để sử dụng và vận hành các công trình được Nhà nước giao cho Công ty để tổ chức sản xuất kinh doanh cung ứng dịch vụ công ích.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 4.299.785.000 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2020 là 0 đồng.
- Khấu hao TSCĐ hữu hình theo Quyết định số 3073/QĐ-UBND tỉnh Quảng Trị ngày 11/11/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
Xây dựng cơ bản	1.912.064.000	93.371.000
- Công trình nâng cấp hồ Triệu Thượng	-	69.105.000
- Công trình sửa chữa nâng cấp các Công trình do Công ty quản lý	1.912.064.000	24.266.000
Cộng	1.912.064.000	93.371.000

5.12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.493.537.009	1.597.268.324
Cộng	1.493.537.009	1.597.268.324

5.13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-
Phải trả người bán là các đối tượng khác	4.227.744.904	1.589.015.730
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Bình Trị	1.010.247.000	-
Phải trả các hợp tác xã	792.979.000	831.980.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Năng lượng xanh	465.636.021	-
Công ty TNHH Xây dựng số 10	436.981.000	-
Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng Đại Cát	431.078.000	-
Công ty TNHH MTV Tuần Đạt Thành	260.746.000	-
Công ty TNHH Đồng Tiến 1	25.312.220	105.135.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao Công nghệ Việt Nam	20.608.000	110.608.000
Công ty CP Thành An	-	289.000.000
Các đối tượng khác	784.157.663	252.292.730
Cộng	4.227.744.904	1.589.015.730

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5.14. Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Phải trả khác các bên liên quan	-	-
Phải trả khác các đối tượng khác	316.590.844	238.842.983
Phòng Đầu tư - Sở tài chính tỉnh Quảng Trị	116.146.000	152.115.000
Trạm bơm Tân Mỹ	-	80.000.000
Phải trả khác	200.444.844	6.727.983
Cộng	316.590.844	238.842.983

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Số dư tại 01/01/2019	1.356.234.968.466	269.100.318	6.700.000.000	1.363.204.068.784
Tăng trong năm	191.424.231.458	-	3.878.879.660	195.303.111.118
Giảm trong năm	-	-	(10.578.879.660)	(10.578.879.660)
Số dư tại 31/12/2019	1.547.659.199.924	269.100.318	-	1.547.928.300.242
Số dư tại 01/01/2020	1.547.659.199.924	269.100.318	-	1.547.928.300.242
Tăng trong năm	14.962.599.000	-	-	14.962.599.000
Giảm trong năm	-	(69.105.000)	-	(69.105.000)
Số dư tại 31/12/2020	1.562.621.798.924	199.995.318	-	1.562.821.794.242

5.15.b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng trị	1.562.621.798.924	1.547.659.199.924
Cộng	1.562.621.798.924	1.547.659.199.924

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5.15.c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1.547.659.199.924	1.356.234.968.466
- Vốn góp tăng trong năm	14.962.599.000	191.424.231.458
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	1.562.621.798.924	1.547.659.199.924
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

5.15.d. Nguồn kinh phí

	31/12/2020	01/01/2020
Nguồn kinh phí sự nghiệp	773.186.522	737.004.016
Cộng	773.186.522	737.004.016

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Đơn vị tính: VND)

6.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-
Doanh thu đối với các đối tượng khác	38.782.101.545	38.608.165.362
Doanh thu cung cấp dịch vụ thủy nông	37.746.107.000	38.280.030.636
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.035.994.545	328.134.726
Cộng	38.782.101.545	38.608.165.362

6.2. Giá vốn

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ thủy nông	32.617.461.569	31.569.527.622
Cộng	32.617.461.569	31.569.527.622

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.474.199.808	3.984.669.792
Cộng	8.474.199.808	3.984.669.792

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	428.210.000	426.929.000
Chi phí nhân công	7.264.075.302	7.159.721.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	362.923.218	389.752.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	268.768.809	140.291.091
Chi phí khác bằng tiền	988.283.000	662.469.205
Chi phí khác	602.732.949	612.206.807
Cộng	9.914.993.278	9.391.370.152

6.5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu được từ bán hồ sơ mời thầu	-	5.454.546
Cộng	-	5.454.546

6.6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Sửa chữa các công trình thủy lợi từ nguồn vốn tiền lãi hoạt động tài chính (*)	4.673.725.000	-
Chi phí thực hiện đấu thầu	-	5.454.546
Khoản chi sự nghiệp các năm trước không được cấp bù	50.121.506	1.631.937.380
Cộng	4.723.846.506	1.637.391.926

(*) Công ty sử dụng lãi hoạt động tài chính từ nguồn vốn điều lệ để thực hiện sửa chữa lớn các công trình thủy lợi trong năm tài chính 2020 theo các công văn của UBND tỉnh Quảng Trị, chi tiết:

- Công văn số 3633/UBND-NN của UBND tỉnh Quảng Trị ngày 10/08/2020 về việc thống nhất danh mục công trình thủy lợi thực hiện bảo trì, nâng cấp, sửa chữa năm 2020.
- Công văn số 4664/UBND-NN của UBND tỉnh Quảng Trị ngày 13/10/2020 về việc thống nhất danh mục công trình thủy lợi thực hiện bảo trì, nâng cấp, sửa chữa năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.224.058.554	6.051.358.512
Chi phí nhân công	27.144.300.793	26.059.239.217
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.133.000.000	1.133.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.798.066.926	5.595.622.101
Chi phí khác bằng tiền	1.431.298.875	1.121.090.115
Chi phí khác	801.729.699	1.000.587.829
Cộng	42.532.454.847	40.960.897.774

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Đơn vị tính: VND)

Giao dịch không bằng tiền

	Năm nay	Năm trước
Tăng vốn do Nhà nước bàn giao tài sản	14.962.599.000	52.222.851.798
Cộng	14.962.599.000	52.222.851.798

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên của Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Trong năm Công ty không có giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.068.000.000	1.068.000.000

8.2. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

8.3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính.

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

8.4. Số liệu so sánh

Là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam.



Hoàng Thị Lại
Người lập biểu

Hoàng Thị Lại
Kế toán trưởng



Lê Văn Trường

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Đông Hà, ngày 29 tháng 3 năm 2021

